

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng phương pháp chấm điểm với thang điểm 100)

Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT	20,0	14,0
1.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư	6,0	
a) Bảng kê chi tiết danh mục vật tư chủ yếu sử dụng cho gói thầu thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật, nhà sản xuất hoặc nơi cung cấp...	1,5	
b) Biện pháp kiểm tra, kiểm định chất lượng vật tư (Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm (hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có phòng thí nghiệm) được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	2,0	
c) Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị chủ yếu sử dụng cho gói thầu của đơn vị cung cấp vật tư (Sắt thép, xi măng, bentonite, cát, đá, thiết bị...)	2,5	
1.2. Giải pháp kỹ thuật cho các công tác chính	9,0	
a) Công tác chuẩn bị khởi công	1,0	
b) Công tác thi công	8,0	
- Cơ cấu của ban chỉ huy công trường đầy đủ, phù hợp về tổ chức và nhân sự đảm bảo thực hiện tốt công tác tổ chức thi công và quản lý chất lượng, tiến độ thi công công trình	1,0	
- Trình tự thi công các hạng mục công trình hợp lý, có kế hoạch phối hợp thi công giữa các hạng mục và các gói thầu khác trong dự án	1,0	
- Biện pháp và số lượng thiết bị thi công huy động đầy đủ để thi công gói thầu	1,5	
- Giải pháp kỹ thuật thi công đào đắp đất, đá	1,0	
- Giải pháp kỹ thuật thi công bê tông	1,0	
- Giải pháp kỹ thuật thi công đắp đê quây dẫn dòng	1,0	
- Giải pháp kỹ thuật thi công khoan phụt	1,5	
1.3. Tổ chức mặt bằng công trường:	3,0	
a) Mặt bằng bố trí công trường nhà quản lý điều hành, nhà ở công nhân, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công;	1,0	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
b) Bố trí rào chắn, biển báo...;	1,0	
c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	1,0	
1.4. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn... các tổ đội thi công.	2,0	
2. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG	30,0	21,0
2.1. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng do Nhà thầu đề xuất sẽ áp dụng trong thi công xây dựng công trình, phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật đã được phê duyệt	2,0	
2.2. Trình tự thi công các hạng mục công trình hợp lý, có kế hoạch phối hợp thi công giữa các hạng mục và các gói thầu khác trong dự án	2,0	
2.3. Biện pháp thi công chi tiết	26,0	
a) Biện pháp dẫn dòng	4,0	
b) Biện pháp tháo dỡ công trình cũ	2,0	
c) Biện pháp thi công đập đất	2,0	
d) Biện pháp thi công tràn xả lũ	2,0	
e) Biện pháp thi công cống lấy nước	4,0	
f) Biện pháp thi công đường và khu phụ trợ thi công	1,0	
g) Biện pháp thi công khoan phụt chống thấm	6,0	
h) Biện pháp thi công thiết bị cơ khí	1,0	
i) Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố trong tình huống khẩn cấp	4,0	
3. TIẾN ĐỘ THI CÔNG	10,0	7,0
3.1. Tổng tiến độ thi công	6,5	
a) Thời gian hoàn thành công trình;	5,0	
- Nhỏ hơn hoặc bằng thời gian yêu cầu tiến độ của HSMT và phù hợp với điều kiện thời tiết địa phương, điều kiện thi công của gói thầu, chỉ dẫn kỹ thuật,...	4,0	
- Có các điểm mốc thời gian hoàn thành hạng mục công trình phù hợp với gói thầu	1,0	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
b) Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công nhịp nhàng, hợp lý	1,5	
3.2. Biểu đồ huy động	1,5	
a) Nhân sự	0,5	
b) Vật liệu	0,5	
c) Thiết bị	0,5	
3.2. Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công vào mùa mưa hoặc khi mất điện	2,0	
4. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG	15,0	10,5
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng	2,0	
4.2. Quản lý chất lượng vật tư	5,0	
a) Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư. Có kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.	3,0	
b) Giải pháp xử lý vật tư phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu;	2,0	
4.3. Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công	5,0	
4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão	2,0	
4.5. Sửa chữa hư hỏng	1,0	
5. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, AN TOÀN LAO ĐỘNG	15,0	
5.1 Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường	5,0	
a) Tiếng ồn	1,0	
b) Bụi và khói	1,0	
c) Rung	1,0	
d) Kiểm soát nước thải	1,0	
đ) Kiểm soát rác thải, vệ sinh	1,0	
5.2. Phòng cháy, chữa cháy	5,0	
a) Quy định, quy phạm tiêu chuẩn	1,0	
b) Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ	2,0	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
c) Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ	2,0	
5.3. An toàn lao động	5,0	
a) Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động	1,0	
b) Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công	1,0	
c) An toàn giao thông ra vào công trường	1,0	
d) Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị	1,0	
e) Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường	1,0	
6. BẢO HÀNH, BẢO TRÌ	5,0	3,0
Có thời gian bảo hành \geq 12 tháng	3,0	
Có thời gian bảo hành lớn hơn quy định (tăng 1,5 tháng cộng 0,5 điểm, tối đa không quá 02 điểm)	2,0	
7. UY TÍN CỦA NHÀ THẦU TRONG VÒNG 05 NĂM GẦN ĐÂY	5,0	
7.1. Kinh nghiệm của nhà thầu:	2,0	
Từ 01/01/2020, Nhà thầu đã thực hiện 01 hợp đồng thi công xây lắp công trình cấp I trở lên hoặc 02 hợp đồng thi công xây lắp công trình cấp II trở lên, Loại hợp đồng: sửa chữa hoặc xây mới cụm công trình đầu mối hồ chứa nước thủy lợi. Hình thức: hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình. Nhà thầu nộp: Tài liệu theo E-CDNT 10.8	1,0	
Từ 01/01/2020, Nhà thầu đã thực hiện 01 hợp đồng thi công xây lắp công trình cấp III trở lên trong đó có hạng mục khoan phụt 2 nút hoặc 01 hợp đồng thi công xây lắp công trình cấp II trở lên trong đó có hạng mục khoan phụt 1 nút Loại hợp đồng: sửa chữa hoặc xây mới cụm công trình đầu mối hồ chứa nước thủy lợi. Hình thức: hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình. Nhà thầu nộp: Tài liệu theo E-CDNT 10.8	1,0	
7.2. Uy tín		

Nội dung đánh giá	Chấm điểm	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
Bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025	3,0	
Tổng cộng	100	70